

Số: /TTYT-DUỘC-VT,TBYT
V/v yêu cầu báo giá Mua vật tư, hóa chất
xét nghiệm Sinh hóa 2025 của Trung tâm
Y tế thành phố Bắc Giang

Tp.Bắc Giang, ngày tháng 06 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Biên bản Hội đồng khoa học ngày 13/6/2025 về việc thống nhất kế hoạch, nhu cầu, danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật mua vật tư, hóa chất xét nghiệm Sinh hóa 2025 đề nghị mua sắm phục vụ công tác chuyên môn của Trung tâm Y tế Thành phố năm 2025;

Trung tâm Y tế Thành phố có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán gói thầu: “Mua vật tư, hóa chất xét nghiệm Sinh hóa 2025 của Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Thành phố

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Ông Trần Văn Toàn

- Chức vụ: Trưởng Khoa Dược-vật tư, TBYT.

- Số điện thoại: 0982.496.884

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận văn thư hoặc Khoa Dược, vật tư – TBYT thuộc Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang- Tổ dân phố 5, phường Nham Biền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Nhận qua email: ttyt_tpbg@bacgiang.gov.vn và toand3b@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: **Từ ngày 14/6/2025 đến trước 8h ngày 25 tháng 06 năm 2025.**

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu **100 ngày** kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Trang thiết bị y tế đề nghị báo giá như sau: *(có danh mục kèm theo)*

2. Địa điểm cung cấp: Hàng hóa được vận chuyển, lắp đặt, bàn giao, nghiệm thu tại Trung tâm Y tế Thành phố Bắc Giang—Tổ dân phố 5, phường Nham Biền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Việc thanh toán cho Nhà thầu bằng chuyển khoản, số lần thanh toán là nhiều lần khi hoàn thành việc giao hàng từng lần theo dự trù của Chủ đầu tư.

- Thời hạn thanh toán trong vòng không quá 90 ngày kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế.

5. Các thông tin khác:

- Tài liệu có liên quan về hàng hóa báo giá (nếu có) gồm:

- + Giấy tờ chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa;

- + Hợp đồng cung cấp hàng hóa chào giá trong thời gian không quá 360 ngày tính đến thời điểm báo giá (nếu có);

Đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam quan tâm báo giá./.

Nơi nhận:

- Công TT đơn vị;

- Lưu: VT, KD, HSĐT.

GIÁM ĐỐC

Đặng Hữu Tuấn

DANH MỤC ĐỀ NGHỊ BẢO GIÁ

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng dự trữ	ĐVT
1	Định lượng Albumin trong huyết thanh và huyết tương	Thành phần: Succinate buffer (pH 4,2) 100 mmol/L; Bromocresol green 0,2 mmol/L; Độ lặp lại: $CV \leq 3\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 3\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 17 test	232	mL
2	Đo hoạt độ ALT (GPT)	Thành phần: Tris buffer pH 7,15 (37°C) 100mmol/L; L-Alanine 500mmol/L; 2-Oxoglutarate 12mmol/L; LDH $\geq 1,8\text{kU/L}$; NADH 0,2mmol/L; Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 10\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test	2.736	mL
3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol	Thuốc thử được dùng cho xét nghiệm định lượng ethanol trong mẫu huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. Thuốc thử A : Đệm PIPES 100 mmol/L, chất bảo quản, pH 7,9. Thuốc thử B: Đệm PIPES 50 mmol/L, NAD 15 mmol/L, alcohol dehydrogenase (ADH) $> 18 \text{ KU/L}$, chất bảo quản, pH 6,2.	270	mL
4	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO ₂	Thành phần: dung dịch đệm, chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat.	20	mL
5	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO ₂	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol. Thành phần: dung dịch đệm, chứa: amoniac. ethanol. natri hydrocarbonat.	30	mL
6	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO ₂	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol. Thành phần: dung dịch đệm, chứa: amoniac. ethanol. natri hydrocarbonat.	45	mL

7	Đo hoạt độ AST (GOT)	Thành phần: Tris buffer, pH 7,65 (37°C) 80mmol/L; L-aspartate 240mmol/L; 2-Oxoglutarate 12mmol/L; LDH $\geq 0,9$ kU/L; MDH $\geq 0,6$ kU/L; NADH 0,2mmol/L; Độ lặp lại: CV $\leq 5\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 10\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 8 test	1.824	mL
8	Định lượng Calci toàn phần	Thành phần: Imidazol (pH 6,9); Arsenazo III 0,02%; Độ lặp lại $\leq 3\%$ /Độ chụm toàn phần: $\leq 4\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 33 test	120	mL
9	Định lượng Cholesterol toàn phần	Thành phần: Dung dịch đệm photphat (pH 6,5) 103 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,31 mmol/L; Phenol 5,2 mmol/L; Cholesterol esterase $\geq 0,2$ kU/L (3,3 μ kat/L); Cholesterol oxidase $\geq 0,2$ kU/L (3,3 μ kat/L); Peroxidase ≥ 10 kU/L (166,7 μ kat/L); Độ lặp lại CV $\leq 3\%$ Độ chụm toàn phần: CV $\leq 3\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 22 test	675	mL
10	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase)	Thành phần: Imidazole (pH 6,5, 37°C) 100 mmol/L; NADP 2,0 mmol/L; ADP 2,0 mmol/L; AMP 5,0 mmol/L; EDTA 2,0 mmol/L; Glucose 20 mmol/L; Creatine phosphate 30 mmol/L; N-acetylcysteine 0,2 mmol/L; Activator 26 mmol/L; Mg ²⁺ 10 mmol/L; Diadenosine pentaphosphate 0,01 mmol/L; HK $\geq 4,0$ kU/L; G6P-DH $\geq 2,8$ kU/L; Độ lặp lại: CV $\leq 5\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 10\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test	260	mL
11	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)	Thành phần: Dung dịch đệm imidazole (pH 6,7) 100 mmol/L; Diadenosine-pentaphosphate 0,01 mmol/L; Hexokinase (HK) ≥ 4 kU/L; EDTA 2 mmol/L; NADP 2 mmol/L; Glucose 20 mmol/L; G6P-DH $\geq 2,8$ kU/L; Creatine phosphate 30 mmol/L; ADP 2 mmol/L; N-Acetylcysteine 0,2	160	mL

		mmol/L; Mg-Acetate 10 mmol/L; Chất hoạt hóa 26 mmol/L; AMP 5 mmol/L; Kháng thể kháng tiêu đơn vị CK-M; Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 6,5\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test		
12	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB	Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa isoenzym creatine kinase-MB; Giá trị được chuẩn hóa theo CK total IFCC Reference Method	2	mL
13	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1 cho xét nghiệm CK-MB	Chất kiểm chuẩn mức 1 dùng trong xét nghiệm CK-MB; Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa isoenzym creatine kinase-MB; Giá trị được chuẩn hóa theo CK total IFCC Reference Method	4	mL
14	Hóa chất kiểm chuẩn mức 2 cho xét nghiệm CK-MB	Chất kiểm chuẩn mức 2 dùng trong xét nghiệm CK-MB; Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa isoenzym creatine kinase-MB; Giá trị được chuẩn hóa theo CK total IFCC Reference Method	4	mL
15	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1; Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật: Bilirubin-Total và Direct, Cholinesterase, ALP, ALT, Amylase, AST, CK-NAC, GGT, GLDH, LDH,; Lipase, Inorganic Phosphorus, Triglyceride, Albumin, Calcium, Chloride, Cholesterol, Creatinine, Glucose, Iron, Lactate, Lithium, Magnesium, Potassium, Sodium, Total Protein,; UIBC, Urea & Uric Acid, IgA, IgG, IgM, APO A1.	80	mL

16	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2; Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật: Bilirubin-Total và Direct, Cholinesterase, ALP, ALT, Amylase, AST, CK-NAC, GGT, GLDH, LDH, Lipase, Inorganic Phosphorus, Triglyceride, Albumin, Calcium, Chloride, Cholesterol, Creatinine, Glucose, Iron, Lactate, Lithium, Magnesium, Potassium, Sodium, Total Protein, UIBC, Urea, Uric Acid, IgA, IgG, IgM, APO A1	80	mL
17	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa	Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy; Thành phần: Huyết thanh người, các enzym từ người, động vật và thực vật: Alkaline Phosphatase, ALT, AST, Amylase, Cholinesterase, CK-NAC, GGT, LDH, Albumin, Creatinine, Cholesterol, Glucose, Lactate, Lipase, Protein toàn phần, Triglycerid, UIBC, Ure, Uric Acid, Bilirubin, Phospho vô cơ, Calci, Sắt, Magnesi	60	mL
18	Định lượng Creatinin	Thành phần: Natri hiđroxit 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L; Độ lặp lại: $CV \leq 3\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 5\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test	3.060	mL
19	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm CRP	Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa các lượng khác nhau của CRP người; Chất kiểm chứng 2 mức;	12	mL
20	Định lượng CRP	Thành phần: Glycine buffer 100 mmol/L; Latex, phủ kháng thể kháng CRP $< 0,5\%$ w/v; Độ lặp lại: $CV \leq 6\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 10\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 3 test	2.400	mL

21	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP có độ nhạy cao	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP độ nhạy cao; Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa CRP người; Chất hiệu chuẩn gồm mức 2 đến mức 6	10	mL
22	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường	Hoá chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường; Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa CRP người; Chất hiệu chuẩn gồm mức 2 đến mức 6	10	mL
23	Định lượng Bilirubin trực tiếp	Thành phần: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0,08 mmol/L; Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 7,5\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 16 test	192	mL
24	Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase)	Thành phần: Glycylglycine, pH 7,7 (37°C) 150 mmol/L; L- γ -glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 6 mmol/L. Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 10\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test	1.584	mL
25	Định lượng Glucose	Thành phần: Dung dịch đệm PIPES (pH 7,6) 24 mmol/L; ATP ≥ 2 mmol/L; NAD ⁺ $\geq 1,32$ mmol/L; Mg ²⁺ 2,37 mmol/L; Hexokinase $\geq 0,59$ kU/L; G6P-DH $\geq 1,58$ kU/L Độ lặp lại: $CV \leq 3\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 5\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 13 test	4.050	mL
26	Định lượng HbA1c	Thành phần: + Thuốc thử HbA1c R1 Antibody: Kháng thể kháng HbA1c ở người (cừu) $\geq 0,5$ mg/mL; đệm MES 0,025 mol/L, đệm TRIS 0,015 mol/L; + Thuốc thử HbA1c R2 Polyhapten: HbA1c Polyhapten ≥ 8 μ g/mL; đệm MES 0,025 mol/L, đệm TRIS 0,015 mol/L; + Hemoglobin toàn phần R1: đệm photphat, pH 7,4: 0,02 mol/L. Độ lặp lại: $CV \leq 4\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 4\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 2 test	1.690	mL

27	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c	Thành phần: Máu người chứa các haemoglobin bình thường. Chất kiểm chứng mức 2 được sản xuất bởi quy trình glycation (có kiểm soát) nguồn máu không mắc bệnh tiểu đường;	6	mL
28	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm HbA1c	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1c	4.000	mL
29	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	Thành phần: Kháng thể kháng β -lipoprotein ở người; Cholesterol esterase (CHE) 0,8 IU/mL; Cholesterol oxidase (CHO) 4,4 IU/mL; Peroxidase (POD) 1,7 IU/mL; Ascorbate Oxidase 2 IU/mL; Dung dịch đệm Good's (pH 7) 30 mmol/L; N-Ethyl - N - (2-hydroxy-3-sulfopropyl) - 3,5-dimethoxy - 4 fluoroaniline (F-DAOS) 0,2 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,67 mmol/L; Độ chum toàn phần: $CV \leq 4,0\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test	3.284	mL
30	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL	Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol; Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol (người);	12	mL
31	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol (người); Chất kiểm chứng 2 mức;	40	mL
32	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	Thành phần: Cholesterol esterase 3,7 IU/mL; Cholesterol oxidase 3,7 IU/mL; Peroxidase 4,9 IU/mL; Natri azit 0,1%; Dung dịch đệm của Good (pH 6,8) 25 mmol/L; 4-aminoantipyrine 0,8 mmol/L; Catalase 743 IU/mL; HDAOS 0,47 mmol/L; Độ lặp lại: $CV \leq 3,0\%$; Độ chum toàn phần: $CV \leq 4,0\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test	3.312	mL

33	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL	Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa LDL-Cholesterol (người).	4	mL
34	Bóng đèn	Bóng đèn Halogen, 12V, 20W	6	Cái
35	Dây bơm nhu động	Làm bằng cao su và nhựa, chiều dài tổng 10,7 cm, (+/- 2mm), chiều dài phần cao su 8,8 cm (+/- 2mm), đường kính 5 mm (+/- 1 mm)	4	Cái
36	Định lượng Bilirubin toàn phần	Thành phần: Cafein 2,1 mmol/L; 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborat 0,31 mmol/L; Chất hoạt động bề mặt; Độ chum toàn phần: $CV \leq 5,0\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 16 test	180	mL
37	Định lượng Protein toàn phần	Thành phần: Natri hydroxyd 200 mmol/L; Kali natri tartrat 32 mmol/L; Đồng sulphat 18,8 mmol/L; Kali iodid 30 mmol/L; Độ lặp lại: $CV \leq 3,0\%$; Độ chum toàn phần: $CV \leq 4,0\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test	200	mL
38	Định lượng Triglycerid	Thành phần: Đệm PIPES (pH 7,5) 50 mmol/L; Mg^{2+} 4,6 mmol/L; MADB 0,25 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,5 mmol/L; ATP 1,4 mmol/L; Lipases 1,5 kU/L (25 μ kat/L); Glycerol kinase 0,5 kU/L (8,3 μ kat/L); Peroxidase 0,98 kU/L (16,3 μ kat/L); Ascorbate oxidase 1,48 kU/L (24,6 μ kat/L); Glycerol-3-phosphate oxidase 1,48 kU/L (24,6 μ kat/L); Độ chum toàn phần: $CV \leq 5,0\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 8 test	3.000	mL
39	Định lượng Ure	Thành phần: "Đệm Tris 100 mmol/L; NADH $\geq 0,26$ mmol/L; Tetra Natri diphosphat 10 mmol/L; EDTA 2,65 mmol/L; 2-Oxoglutarat $\geq 9,8$ mmol/L; Urease $\geq 17,76$ kU/L; ADP $\geq 2,6$ mmol/L; GLDH $\geq 0,16$ kU/L. Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$; Độ chum toàn phần $CV \leq 10\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 9 test	2.332	mL

40	Định lượng Acid Uric	Thành phần: Đệm phosphat (pH 7,5) 42 mmol/L; MADB 0,15 mmol/L; 4-Aminophenazon 0,30 mmol/L; Peroxidase $\geq 5,9$ kU/L (98 μ kat/L); Uricase $\geq 0,25$ kU/L (4,15 μ kat/L); Ascorbat Oxidase $\geq 1,56$ kU/L (26 μ kat/L); Độ lặp lại: CV $\leq 3\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 5,0\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 11 test	720	mL
41	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Thành phần: Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%.	75.000	mL
42	Đo hoạt độ Amylase	Thành phần: MES (pH 6,05) 36,1 mmol/L; Canxi axetat 3,60 mmol/L; NaCl 37,2 mmol/L; Kali thiocyanate 253 mmol/L; CNPG3 1,63 mmol/L; Độ lặp lại: CV $\leq 5,0\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 10,0\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test	280	mL
Tổng: 42 khoản				

MẪU BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế Thành phố Bắc Giang

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế Thành phố, chúng tôi... [*ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh*] báo giá cho các vật tư, sinh phẩm y tế như sau:

1. Báo giá cho vật tư, hóa chất:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất, Xuất xứ	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Đơn vị tính	Số lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
	Tổng giá trị thành tiền									
	Bằng chữ:									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: **100 ngày**, kể từ ngày báo giá.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 2025

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))